TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/KDTM-ST
Ngày 30-9-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hà Thế Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhơn

Ông Lê Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 04/2016/TLST-KDTM ngày18 tháng 5 năm 2016,về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-KDTM ngày 29/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-KDTM ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM (tên viết tắt HDB).

Địa chỉ: số 25 Bis, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường B N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông Nguyễn Hữu Đ, Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Huỳnh Nguyễn Bảo H, Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ (văn bản ủy quyền số 1534/2014/QĐ-TGĐ ngày 10/06/2014).

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Nguyễn Bảo H: anh Nguyễn Viết H, sinh năm: 1979, địa chỉ: khu phố 5, phường T D, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 01/6/2017).

2. Bị đơn: ông Võ Đại Đ, sinh năm: 1968 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1972; nơi cư trú cuối cùng: tổ 7, ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

3. Người *có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*anh Trương Hửu L, sinh năm: 1977 và chị Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm: 1975; trú tại: tổ 1, ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/4/2016, các bản tường trình và các lời khai của đại diện nguyên đơn (anh Nguyễn Viết H) trình bày: Ngày 22/3/2012 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ A, Chi nhánh L K đã ký kết hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM 12/0067/LKH và cho ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N vay số tiền 2.250.000.000 đồng, theo phụ lục hợp đồng số HM12/0067/LKH-01 ngày 05/4/2012, cùng các khế ước nhận nợ số 02-2012-HM12/0067/LKH ngày 05/4/2012, lãi suất vay là 21,5%/năm, thời hạn vay 06 tháng; khế ước nhận nợ số 03-2012-HM12/0067/LKH ngày 15/9/2012, lãi suất vay là 17%/năm, thời hạn vay 06 tháng; khế ước nhận nợ số 04-2012-HM12/0067/LKH ngày 18/9/2012, lãi suất vay là 16,8%/năm, thời hạn vay 06 tháng; khế ước nhận nợ số 05-2012-HM12/0067/LKH ngày 20/9/2012, lãi suất vay là 16,8%/năm, thời hạn vay 06 tháng; khế ước nhận nợ số 06-2012-HM12/0067/LKH ngày 22/9/2012, lãi suất vay là 16,8%/năm, thời hạn vay 06 tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn của ông Đ, bà N là vay bổ sung vốn mua bán, sản xuất chế biến hạt điều. Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp số LKH12-0075/HĐBĐ được công chứng tại Văn Phòng công chứng Xuân An, tỉnh Đồng Nai ngày 05/4/2012 . Tài sản thế chấp là thửa đất số 447 tờ bản đồ số 05 xã X M, vị trí thửa đất tọa lạc tại ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai, thửa đất được UBND huyện C M, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 075331 ngày 09/12/2009 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh C M ngày 05/04/2012 và thay đổi nội dung đăng ký thế chấp vào các ngày 18/8/2014 và ngày 29/6/2015.

Căn cứ Quyết định số 2687/QĐ-NHNN ngày 18/11/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sáp nhập Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A vào Ngân hàng thương mại cổ phần PTTPHCM nên tất cả các giao dịch phát sinh giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ A với khách hàng trước đây được chuyển giao cho HDB thực hiện.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đến hạn như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Cụ thể, ông Đ và bà N chỉ thanh toán được một phần nợ gốc khi đến hạn tổng cộng là 1.300.000.000 đồng, còn lại số nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 23/01/2013 đến nay không trả cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng TMCP PTTPHCM đã nhiều lần nhắc nhở và đốc thúc việc trả nợ, nhưng ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến nay ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 30/9/2017 ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP PTTPHCM số tiền 2.169.918.141 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, nợ lãi suất trong hạn là 35.125.000 đồng, lãi suất quá hạn là 1.165.654.869 đồng, phạt chậm trả lãi là 19.138.272 đồng.

Ngân hàng TMCP PTTPHCM đề nghị Tòa án buộc ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi suất là 2.169.918.141 đồng theo hợp đồng tín dụng trên. Trường hợp ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng được yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản thế chấp của ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N là thửa đất số 447, tờ bản đồ số 05, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai mà ông bà đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LKH12-0075/HĐBĐ ngày 05/4/2012 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh C M ngày 05/04/2012. Nếu số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ trên thì ông Đ và bà N vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ theo quy định.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Đ và bà N phải thanh toán đối với khoản tiền phạt chậm trả lãi là 19.138.272 đồng và vẫn giữ nguyên những yêu cầu khởi kiện khác.

- Bị đơn ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Hửu L và chị Nguyễn Thị Hồng C trình bày: Vào cuối năm 2016 vợ chồng anh chị được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M nhờ trông coi và quản lý hộ tài sản của ông Đ bà N đang bị kê biên bán đấu giá là giàn máy bóc tách và chế biến hạt điều, trong thời gian quản lý trông coi thì anh chị có mượn mặt bằng

là nhà xưởng và kho của ông Đ và bà N ở thửa đất số 447 tờ bản đồ số 05 xã X M làm nơi bóc tách chế biến hạt điều thủ công. Nay Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản là thửa đất số 447 tờ bản đồ số 05 xã X M của ông Đ và bà N thì anh chị cũng không có ý kiến gì và sẽ trả lại nguyên hiện trạng thửa đất và các tài sản gắn liền trên đất. Do trong vụ án này anh chị không có tranh chấp gì nên có yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

-Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Thẩm phán và của Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) thực hiện đúng theo quy định pháp luật; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên xét xử vắng mặt là phù hợp; Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật; chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tài sản trong thi hành án. Về chi phí tố tụng: nguyên đơn có nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định nên đề nghị HĐXX tuyên xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên toà và sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hành thương mại cổ phần PTTPHCM (sau đây viết tắt là HDB) khởi kiện ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 12/0067/LKH ngày 22/3/2012; xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng là bổ sung vốn mua bán, sản xuất chế biến hạt điều; vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại tổ 7, ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai; do đó, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn (ông Đ – bà N) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, tại phiên tòa hôm nay họ vẫn không có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh L và chị C) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; do đó HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227 và 228 của BLTTDS để xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cố tình che giấu địa chỉ của mình, không có văn bản nêu ý kiến gửi cho Tòa án để xem xét, nên HĐXX không xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM 12/0067/LKH ngày 22/3/2012 với số tiền là 2.169.918.141 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng, nợ lãi suất trong hạn là 35.125.000 đồng, lãi suất quá hạn là 1.165.654.869 đồng, phạt chậm trả lãi là 19.138.272 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền phạt chậm trả lãi là 19.138.272 đồng; đại diện nguyên đơn xác định số tiền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán là 2.150.779.869 đồng (bao gồm nợ gốc là 950.000.000 đồng, nợ lãi suất trong hạn là 35.125.000 đồng, lãi suất quá hạn là 1.165.654.869 đồng). Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là các khế ước nhận nợsố 02-2012-HM12/0067/LKH ngày 05/4/2012, số 03-2012-HM12/0067/LKH ngày 15/9/2012, số 04-2012-HM12/0067/LKH ngày 18/9/2012, số 05-2012-HM12/0067/LKH ngày 20/9/2012, số 06-2012-HM12/0067/LKH ngày 22/9/2012; Thông báo thu hồi nợ trước hạn số 232 ngày 10/11/2012 có chữ ký xác nhận của bà Trần Thị N; đơn xin giải chấp tài sản lập ngày 19/12/2012 của ông Võ Đại Đ với nội dung: đề nghị thanh toán bớt số tiền nợ gốc là 1.150.000.000 đồng và xin được giải chấp đối với tài sản là quyền sử dụng đất số K 067496.Theo nội dung trình bày của đại diện nguyên đơn cùng các chứng cứ cho thấy: ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N đã 05 lần nhận giải ngân tiền vay với tổng số tiền là 2.250.000.000 đồng; vào các ngày 25/09/2012 và 22/01/2013 ông Đ và bà N đã thanh toán cho Ngân hàng một phần nợ gốc với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng (BL 95); số nợ gốc còn nợ là 950.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn đối với số nợ gốc là có căn cứ chấp nhận; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu về phần lãi suất của nguyên đơn nhận thấy: theo các bảng tính lãi nợ vay lập ngày 29/9/2017 được đại diện nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa,cũng như qua trình bày của đại diện nguyên đơn thể hiện:

+ Theo giấy nhận nợ số 02-2012-HM12/0067/LKH ngày 05/4/2012: số tiền vay là 1.050.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 05/4/2012 đến 05/10/2012; lãi suất 21,5%/năm, biên độ điều chỉnh lãi 8,2%/năm; lãi trong hạn (183 ngày) là 107.784.583 đồng, đã trả 101.304.583 đồng, còn nợ lãi trong hạn là 6.480.000 đồng; nợ quá hạn = 150% lãi trong hạn (109 ngày) là 86.336.250 đồng; tổng lãi phải trả đến 29/9/2017 là 92.816.250 đồng.

+ Theo giấy nhận nợ số 03-2012-HM12/0067/LKH ngày 15/9/2012: số tiền vay là 300.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 15/9/2012 đến 15/3/2013; lãi suất 17%/năm, biên độ điều chỉnh lãi 06%/năm; lãi trong hạn (129 ngày) là 8.216.667 đồng, đã trả 991.667 đồng, còn nợ lãi trong hạn là 7.225.000 đồng; nợ quá hạn = 150% lãi trong hạn (1.782 ngày) là 70.053.543 đồng; tổng lãi phải trả đến 29/9/2017 là 77.278.543 đồng.

+ Theo giấy nhận nợ số 04-2012-HM12/0067/LKH ngày 18/9/2012: số tiền vay là 361.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 18/9/2012 đến 18/3/2013; lãi suất 16,8%/năm, biên độ điều chỉnh lãi 06%/năm; lãi trong hạn (55 ngày) là 9.265.667 đồng, đã trả 673.867 đồng, còn nợ lãi trong hạn là 8.591.800 đồng; nợ quá hạn = 150% lãi trong hạn (1.782 ngày) là 404.856.987 đồng; tổng lãi phải trả đến 29/9/2017 là 413.448.787 đồng.

+ Theo giấy nhận nợ số 05-2012-HM12/0067/LKH ngày 20/9/2012: số tiền vay là 360.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 20/9/2012 đến 20/3/2013; lãi suất 16,8%/năm, biên độ điều chỉnh lãi 06%/năm; lãi trong hạn (53 ngày) là 8.904.000 đồng, đã trả 336.000 đồng, còn nợ lãi trong hạn là 8.568.000 đồng; nợ quá hạn = 150% lãi trong hạn (1.782 ngày) là 403.630.500 đồng; tổng lãi phải trả đến 29/9/2017 là 412.198.500 đồng.

+ Theo giấy nhận nợ số 06-2012-HM12/0067/LKH ngày 22/9/2012: số tiền vay là 179.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 22/9/2012 đến 22/3/2013; lãi suất 16,8%/năm, biên độ điều chỉnh lãi 06%/năm; lãi trong hạn (51 ngày) là 4.260.200 đồng, chưa trả lãi đồng nào, còn nợ lãi trong hạn là 4.260.200 đồng; nợ quá hạn = 150% lãi trong hạn (1.782 ngày) là 200.777.589 đồng; tổng lãi phải trả đến 29/9/2017 là 205.037.789 đồng.

Tổng cộng tiền lãi trong hạn và quá hạn phải trả của 05 giấy nhận nợ là 1.200.779.869 đồng.

Theo Thông báo số 232/TB-NHĐA-CNLK ngày 10/11/2012 của Ngân hàng TMCP Đ A – Chi nhánh L K về việc thu hồi nợ trước hạn (đã được bà Trần Thị N ký xác nhận) do đại diện nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa (bản chính) thể hiện: Ngân hàng đã tạo điều kiện cho ông Đ, bà N trả nợ theo cam kết chậm nhất là ngày 09/11/2012, nhưng ông Đồng, bà Nhé không thực hiện và xác định không còn khả năng trả nợ; do đó Ngân hàng quyết định thu hồi trước hạn tất cả các khoản nợ (bao gồm cả gốc và lãi) và chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn (bằng 150% lãi suất trong hạn) kể từ ngày 12/11/2012. Như vậy, việc nguyên đơn yêu cầu áp dụng mức lãi quá hạn đối với các khoản nợ gốc theo 05 giấy nhận nợ từ ngày 12/11/2012 là có cơ sở chấp nhận.

Sau khi kiểm tra và tính toán số liệu, HĐXX thấy rằng: số tiền lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán là chính xác và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ lãi suất là 1.200.779.869 đồng.

Ngoài ra, kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn đối với số tiền gốc của từng giấy nhận nợ cho đến khi thanh toán xong.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việcđược quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, nhận thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và việc đăng ký thế chấp đối với tài sản đảm bảo thế chấp được các bên thực hiện đầy đủ các thủ tục đúng theo quy định pháp luật (BL 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83, 84) nên được công nhận có hiệu lực thi hành.

Ngày 01/8/2013 Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất số 14/QĐ-CCTHA cưỡng chế kê biên đối với thửa đất số 447, tờ bản đồ 05, tại ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai (BL 178) là tài sản đã được ông Đ, bà N thế chấp cho nguyên đơn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện kê biên quyền sử dụng đất do giá trị của thửa đất thấp hơn giá trị đảm bảo thế chấp tại Ngân hàng, nên Chi cục thi hành án dân sự huyện C M đang tạm ngưng bán đấu giá đối với quyền sử dụng đất trên (BL 172). Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/7/2017 tại thửa đất số447, tờ bản đồ 05, tại ấp S, xã X M, huyện C M, tỉnh Đồng Nai hiện đang do anh Trương Hửu L và chị Nguyễn Thị Hồng C trông coi và sử dụng một phần nhà xưởng và nhà kho để làm nơi chế biến hạt điều thủ công và việc giao trông coi quản lý thửa đất, tài sản gắn liền trên đất là theo biên bản về việc giải quyết việc thi hành án lập ngày 23/12/2016 (BL179). Ý kiến của anh Trương Hửu L và chị Nguyễn Thị Hồng C không có tranh chấp gì đối với các tài sản mà anh chị được nhờ trông coi, nếu Ngân hàng yêu cầu phát mãi đối với tài sản trên của ông Đ và bà N thì anh chị sẽ giao lại toàn bộ diện tích thửa đất cũng như tài sản gắn liền trên đất mà không yêu cầu gì (BL 188, 189). Xét thấy, việc Chi cục thi hành án kê biên đối với tài sản thế chấp trên và tạm giao tài sản cho anh L và chị C quản lý không ảnh hưởng tới hợp đồng thế chấp cũng như tài sản thế chấp. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, trong trường hợp ông Đ và bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đoncó quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký kết.

[5] Đối với số tiền 1.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định mà nguyên đơn đã nộp (BL 165): vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; căn cứ theo quy định tại Điều 157 thì ông Đ, bà N phải có nghĩa vụ phải chịu chi phí trên; nên bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng này. Đối với số tiền này thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[6] Về án phí: Buộc ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N phải nộp án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 2.150.779.869 đồng; án phí sẽ

là 72.000.000 đồng + (150.779.869 đồng x 2%) = 75.015.597 đồng (làm tròn thành 75.015.500 đồng).

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với quan điểm của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 30, 35, 39, 40, 147, 157,227, 228, 266 của BLTTDS; các điều 7, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM.

- Buộc ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.200.779.869 đồng (Một tỷ hai trăm triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi chín đồng).

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn của khoản tiền nợ gốcquy định trong các giấy nhận nợ số 02-2012-HM12/0067/LKH ngày 05/4/2012, số 03-2012-HM12/0067/LKH ngày 15/9/2012, số 04-2012-HM12/0067/LKH ngày 18/9/2012, số 05-2012-HM12/0067/LKH ngày 20/9/2012 và số 06-2012-HM12/0067/LKH ngày 22/9/2012ban hành kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HM 12/0067/LKH ngày 22/3/2012 cho đến khi thanh toán xong.

- Buộc ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM số tiền lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Đối với số tiền này thì kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức 10%/năm, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LKH12-0075/HĐBĐ ngày 05/4/2012 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, Chi nhánh C M ngày 05/04/2012.

2/ Về án phí:

- Buộc ông Võ Đại Đ và bà Trần Thị N phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 75.015.500 đồng (Bảy mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần PTTPHCM số tiền 33.560.000 đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 003524 ngày 18/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; riêng các đương sự vắng mặt thời hạn 15 ngày kháng cáo được tính từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Hà Thế Nam